



hǎi táng

海棠

noun · Chinese flowering crabapple

Example Sentences

hǎi táng huā kāi le

海棠花开了。

The crabapple flowers have bloomed.

gōng yuán lǐ zhòng le xǔ duō hǎi táng shù

公园里种了许多海棠树。

Many crabapple trees are planted in the park.

hǎi táng de guǒ shí kě yǐ zuò chéng mì jiàn

海棠的果实可以做成蜜饯。

The fruit of the crabapple can be made into candied preserves.

Trace each character, then write the word on your own.

海	海	海	海	海	海	海	海	海	海	海
海	海									
棠	棠	棠	棠	棠	棠	棠	棠	棠	棠	棠
棠	棠	棠	棠							